

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
ngày 01/4/2025
‘V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng’

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa và ông Nguyễn Thành Luân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thông -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ An - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:04/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-DS ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L1.

Địa chỉ trụ sở chính: LPBank Tower, số B đường T, Phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ nhận thông báo: Số G Q, Phường A, Thành phố Đ, Tỉnh Quảng Trị

Đại diện pháp luật: Ông Hồ Nam T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Công H - Phó Giám đốc phòng G, tỉnh Quảng Trị.
(Theo quyết định số 322/2024/QĐ- LPB.QTR ngày 20/9/2024 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP L1, về việc ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1981,

Địa chỉ thường trú: Khu phố E, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Nay tạm trú: Đội 8, P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2024 nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/06/2017, Ngân hàng TMCP B (Nay, Ngân hàng TMCP L1) - Chi nhánh Q đã ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 với bà Nguyễn Thị Phương L, số tiền cấp tín dụng là 50.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất: 9%/năm. Lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. (Cụ thể: Lãi suất quá hạn là 13,5%/năm), lãi suất nợ lãi quá hạn là 10%/năm. Mục đích vay: Phục vụ đời sống. Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của bà Nguyễn Thị Phương L đã bị chuyển nợ quá hạn ngày 05/09/2019. Bà Nguyễn Thị Phương L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc có trả nợ nhưng thường xuyên vi phạm các cam kết trả nợ. Bắt đầu từ kỳ ngày 26/08/2019 cho đến nay, bà Nguyễn Thị Phương L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 20/09/2024, tổng dư nợ của bà Nguyễn Thị Phương L tại Ngân hàng TMCP L1 là: 30.824.945 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 15.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.960.130 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.614.815 đồng.

Ngân hàng TMCP L1 kính đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết các yêu cầu của Ngân hàng, cụ thể:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP L1 theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ký ngày 06/06/2017 với tổng số tiền tính đến ngày 20/09/2024 là: 30.824.945 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 15.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.960.130 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.614.815 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ký ngày 06/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP L1 với (Bà) Nguyễn Thị Phương L.

2. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ký ngày 06/06/2017 với Ngân hàng TMCP L1 cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 01/4/2025 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Bùi Công H trình bày:

Ngân hàng TMCP L1 – Chi nhánh Q đã ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ngày 06/06/2017 với bà Nguyễn Thị Phương L, số tiền cấp tín dụng là 50.000.000 đồng. Tính đến ngày 01/04/2025 bà Nguyễn Thị Phương L đã trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền gốc là 34.750.000 đồng và tiền lãi là 9.739.870 đồng. Lần cuối cùng bà Nguyễn Thị Phương L trả nợ gốc và lãi là vào ngày 02/08/2019 với số tiền là 1.710.000 đồng (thu nợ cho kỳ 25/07/2019). Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của bà Nguyễn Thị Phương L đã bị chuyển sang nợ quá hạn là ngày 05/09/2019. Tính đến ngày 01/04/2025, bà Nguyễn Thị Phương L còn nợ Ngân hàng TMCP L1 số tiền là: 32.140.970 đồng. Trong đó: Nợ tiền gốc là 15.250.000 đồng; nợ lãi là 16.890.970 đồng (lãi trong hạn: 3.960.130 đồng, lãi quá hạn: 12.930.840 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP L1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP L1 theo hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ký ngày 06/06/2017 với tổng số tiền tính đến ngày 01/04/2025 là 32.140.970 đồng. Trong đó: Nợ tiền gốc là 15.250.000 đồng; nợ lãi là 16.890.970 đồng (lãi trong hạn: 3.960.130 đồng, lãi quá hạn: 12.930.840 đồng) và kể từ ngày 02/04/2025 bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu lãi suất quá hạn trên tổng số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất khoản vay.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền là 32.140.970 đồng. Trong đó: Nợ tiền gốc là 15.250.000 đồng; nợ lãi là 16.890.970 đồng (lãi trong hạn: 3.960.130 đồng, lãi quá hạn: 12.930.840 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 01/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án bà Nguyễn Thị Phương L còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ngày 06/06/2017.

Về án phí: Buộc bị đơn Bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu 1.607.048 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 770.624 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000101 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần L1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương L; trú tại khu phố E, phường C, thị xã Q trả nợ khoản tiền vay, đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị (*Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự*).

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng phía bị đơn vắng mặt không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L vắng mặt không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ngày 06/06/2017 đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B1 (Nay là Ngân hàng TMCP L1) - Chi nhánh Q với bà Nguyễn Thị Phương L là hợp pháp. Vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định về giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng tín dụng theo quy định của luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị các bên tham gia giao dịch thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Về khoản nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ngày 06/06/2017, bà Nguyễn Thị Phương L vay 50.000.000 đồng thì phải trả nợ gốc và tiền lãi

định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Phương L đã trả nợ gốc được 34.750.000đồng. Tính ngày xét xử 01/4/2025 dư nợ gốc bà L còn phải trả cho ngân hàng TMCP L1 là: 15.250.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của N về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận (*Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự*).

Về khoản nợ lãi: Về khoản nợ lãi: Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ngày 06/06/2017 đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B1 nay là Ngân hàng TMCP L1) - Chi nhánh Q với bà Nguyễn Thị Phương L thì thỏa thuận lãi suất: 9%/năm, lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. (Cụ thể: Lãi suất quá hạn là 13,5%/năm). Lãi trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ gốc ban đầu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Phương L đã trả cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền lãi là 9.739.870đồng. Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của bị đơn đã bị chuyển nợ quá hạn ngày 05/09/2019 . Tính đến ngày 01/4/2025, tổng số nợ lãi của bị đơn là 16.890.970 đồng (lãi trong hạn: 3.960.130 đồng, lãi quá hạn: 12.930.840 đồng) và kể từ ngày 02/04/2025 bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu lãi suất quá hạn trên tổng số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất khoản vay. Xét hợp đồng tín dụng được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi suất chậm trả trên cơ sở tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi tính từ ngày 26/08/2019 cho đến ngày xét xử 01/4/2025 là 16.890.970đồng là có cơ sở.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP L1 theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ngày 06/06/2017 với tổng số tiền tính đến ngày xét xử 01/04/2025 là 32.140.970 đồng. Trong đó: Nợ tiền gốc là 15.250.000 đồng; nợ lãi là 16.890.970 đồng (lãi trong hạn: 3.960.130 đồng, lãi quá hạn: 12.930.840 đồng) và kể từ ngày 02/04/2025 bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu lãi suất quá hạn trên tổng số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất khoản vay.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117,

Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền là 32.140.970 đồng. Trong đó: Nợ tiền gốc là 15.250.000 đồng; nợ lãi là 16.890.970 đồng (lãi trong hạn: 3.960.130 đồng, lãi quá hạn: 12.930.840 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 01/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án bà Nguyễn Thị Phương L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số HĐTD46020171587 ngày 06/06/2017.

2. Về án phí: Buộc bị đơn Bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu 1.607.048 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 770.624 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000101 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Quảng Trị;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. Tổ HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Tiến